

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 11 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Ông Trương Văn Hăng.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 732/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 767/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như Y, sinh năm 2001; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 04, ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 03, khóm TT, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Như Y vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trần Hữu T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/9/2022 của bà Trần Thị Như Y; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết

hôn. Quá trình chung sống, bà Y và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không chịu làm ăn, ham chơi, cờ bạc, có lời nói xúc phạm bà Y và gia đình. Do không chung sống được với ông T nên bà Y và ông T đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay. Sau khi ly thân thì ông T thường xuyên có lời nói đe dọa đến bà Y và gia đình. Hiện nay, cả hai gia đình đều không hòa thuận. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Y yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng bà Y. Bà Y yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Trần Hữu T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vấn đề con chung vào ngày 21/10/2022 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, ông T cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 21/10/2022, bà Y có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Y giao nộp: Giấy xác nhận số 937/GXN-UBND ngày 06/9/2022 của UBND xã PH; bản photo Giấy căn cước công dân mang tên Trần Thị Như Y; bản photo Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Văn Lý; bản sao giấy khai sinh mang tên Trần Trúc A.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 21/10/2022 tại Công an thị trấn LB; biên bản xác minh ngày 21/10/2022 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn LB; biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Bích P ngày 21/10/2022 kèm căn cước công dân; biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị Kim Y1 ngày 22/10/2022 kèm căn cước công dân.

Tại phiên tòa, do bà Y và ông T cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Y và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 21/10/2022, đại diện UBND thị trấn LB cho biết: Qua rà soát Sổ hộ tịch tại đơn vị, bà Trần Thị Như Y và ông Trần Hữu T không đăng ký kết hôn tại địa phương.

- Theo biên bản xác minh ngày 21/10/2022, đại diện Công an thị trấn LB cho biết: Ông Trần Hữu T, sinh năm 2001 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 03, khóm TT, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông T đang đi làm ăn xa, nhưng gia đình ông T thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/10/2022, bà Trần Bích Phượng cho biết: Bà Phượng là mẹ ruột của bà Trần Thị Như Y, sinh năm 2001. Kể từ khi sống ly thân thì bà Y chung sống cùng bà Phượng nên bà Phượng biết rõ mâu

thuần giữa bà Y và chồng là ông Trần Hữu T, sinh năm 2001. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân và thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì đúng như lời bà Như Y trình bày. Khoảng thời gian bà Như Y và ông T sống ly thân, ông T thường xuyên có lời lẽ đe dọa bà Y và gia đình. Bà Phượng mong muốn Tòa án sớm giải quyết cho bà Y và ông T được ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng bà Y. Về tài sản chung và nợ chung của bà Y và ông T thì bà Phượng không rõ.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/10/2022, bà Trần Thị Kim Y1 cho biết: Bà Yến là mẹ ruột của ông Trần Hữu T, sinh năm 2001. Bà Yến biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa ông T và bà Y nên bà Yến yêu cầu Tòa án ghi nhận Y kiến.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà Y và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù gia đình đã cố gắng động viên, hòa giải. Do đó, bà Yến yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho bà Y và ông T được ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng bà Y. Gia đình cũng đồng ý cho bà Y được tiếp tục nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung của ông T và bà Y thì bà Yến không rõ.

Bà Y1 xác nhận có nhận thay ông T các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho ông T biết. Do ông T hiện nay làm công nhân tại Thành phố H nên không thể đến Tòa án theo yêu cầu triệu tập. Ngoài ra, do bận công việc làm ăn nên bà Y1 cũng yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Trần Thị Như Y có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trần Hữu T vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Y và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà Y và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà Y và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do đó, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Y là có căn cứ nên đề nghị không công nhận bà Y và ông T là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020 cho bà Y được trực tiếp nuôi dạy, ông T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà Y khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết; về án phí: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông T không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Trần Hữu T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Trần Thị Như Y có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 03, khóm TT, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Y và ông T tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà Y và ông T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 937/GXN-UBND ngày 06/9/2022 của UBND xã PH, huyện AP và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn LB ngày 21/10/2022 cùng xác nhận thông tin về việc bà Y và ông T không đăng ký kết hôn tại địa phương. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Y và ông T chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là có căn cứ, cả hai chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, tuyên bố không công nhận bà Trần Thị Như Y và ông Trần Hữu T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Y và ông T sinh được 01 (một) con chung tên: Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Y.

Xét thấy con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi, bà Y cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để bà Y được trực tiếp nuôi dạy con

chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà Y về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà Y vẫn giữ nguyên Y kiến của mình về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà Y trong việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Trần Hữu T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Trần Thị Như Y. Ngược lại, bà Trần Thị Như Y cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông T có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Trần Thị Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Trần Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà Y có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Như Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Như Y và ông Trần Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Như Y được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Trần Trúc A, sinh ngày 18/7/2020. Ông Trần Hữu T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Trần Hữu T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Trần Thị Như Y. Ngược lại, bà Trần Thị Như Y cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Như Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007154 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Trần Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Trần Thị Như Y và ông Trần Hữu T. Bà Y và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn